

## ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG CÔNG TÁC BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM CHO GIÁO VIÊN TIẾNG ANH Ở VIỆT NAM

Thái Thị Cẩm Trang

*Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội*

**Tóm tắt.** Ứng dụng Công nghệ Thông tin (CNTT) trong dạy học có ý nghĩa hết sức quan trọng trong công tác bồi dưỡng giáo viên tiếng Anh ở Việt Nam nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách giáo dục của nước nhà. Nghiên cứu này sử dụng phương pháp nghiên cứu kết hợp hội tụ (convergent mixed-methods design) để tìm hiểu nhận thức của các giáo viên dạy tiếng Anh bậc phổ thông và các giảng viên dạy tiếng Anh bậc đại học về các vấn đề liên quan đến công nghệ và tích hợp công nghệ trong công tác bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên tiếng Anh. Dữ liệu được thu thập từ cuộc khảo sát với sự tham gia của 60 giáo viên tiếng Anh tham gia khoá bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm và các cuộc phỏng vấn trực tiếp với 3 giảng viên tham gia giảng dạy trong khoá bồi dưỡng đó. Kết quả nghiên cứu cho thấy các giáo viên tiếng Anh đã nhận được những cơ hội quan trọng để tìm hiểu về kiến thức liên quan đến CNTT trong chương trình bồi dưỡng của họ. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy một số yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến việc tích hợp CNTT vào quá trình đào tạo bồi dưỡng giáo viên, đặc biệt là các yếu tố liên quan đến giảng viên, giáo viên trong quá trình giảng dạy, việc cung cấp tài nguyên và các chính sách liên quan đến CNTT.

**Từ khoá:** bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, công nghệ thông tin, giáo viên tiếng Anh.

### 1. Mở đầu

Việc tích hợp dạy học ngoại ngữ có sự hỗ trợ của CNTT vào đào tạo giáo viên ngoại ngữ được coi là một trong những mối quan tâm hàng đầu và ngày càng tăng trong đào tạo giáo viên trong bối cảnh không ngừng biến đổi và đa dạng của thế kỉ XXI [1-4]. Các nghiên cứu ở lĩnh vực này đã có những đóng góp quan trọng trong việc tích hợp CNTT vào các chương trình giảng dạy ngoại ngữ và đào tạo giáo viên ngoại ngữ ở các cấp. Hubbard [5] nêu rõ tầm quan trọng của CNTT: “gắn chặt với tương lai của việc đào tạo giáo viên ngoại ngữ vì giáo viên ngoại ngữ là những người đóng vai trò then chốt; họ chọn các công cụ để hỗ trợ việc giảng dạy của mình và xác định ứng dụng CNTT nào mà người học được tiếp xúc và cách người học sử dụng chúng”. Lập luận của Hubbard được khẳng định rõ trong một công trình của Hong [6] khi nhấn mạnh rằng “mục tiêu cuối cùng của đào tạo giáo viên CNTT là giúp giáo viên ngoại ngữ tích hợp CNTT vào lớp học của họ với sự tự tin và kiến thức.” Do đó, kinh nghiệm tích hợp CNTT vào thực tiễn lớp học đã trở thành một trong những mối quan tâm đặc biệt của các nhà nghiên cứu và các nhà giáo dục. Nhắc lại điều này và tập trung nhiều hơn vào việc tích hợp CNTT để đào tạo và phát triển giáo viên, Son [4] đã đề xuất một mô hình bồi dưỡng giáo viên ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh, với bốn yếu tố: khám phá, giao tiếp, hợp tác và phản ánh. Do đó, cần phải nghiên cứu thêm về CNTT và việc tích hợp CNTT trong các chương trình đào tạo bồi dưỡng giáo viên ngoại ngữ trong các bối cảnh khác nhau. Mặc dù việc tích hợp CNTT đã được

---

Ngày nhận bài: 21/2/2023. Ngày sửa bài: 12/3/2023. Ngày nhận đăng: 2/4/2023.

Tác giả liên hệ: Thái Thị Cẩm Trang. Địa chỉ e-mail: [trangthaicam@gmail.com](mailto:trangthaicam@gmail.com)

coi là cốt lõi của việc đào tạo giáo viên [6-10], nhưng có rất ít nghiên cứu được thực hiện trong quá trình đào tạo bồi dưỡng giáo viên ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, ở bậc phổ thông và đại học trong bối cảnh giảng dạy tiếng Anh với vai trò là một ngoại ngữ. Để bổ sung cho sự thiếu hụt này, nghiên cứu được thực hiện nhằm mục đích đưa ra cái nhìn sâu sắc về nhận thức của giáo viên tiếng Anh ở phổ thông và các giảng viên tiếng Anh ở đại học tại Việt Nam về việc tích hợp CNTT vào công tác đào tạo bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên tiếng Anh.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Ứng dụng CNTT trong đào tạo và bồi dưỡng giáo viên tiếng Anh

Các ứng dụng giáo dục của CNTT đã được thừa nhận theo những cách khác nhau. Các nhà nghiên cứu đã sử dụng CNTT làm công cụ và công nghệ giảng dạy mới cho giáo dục [8], [11-12] và CNTT được định nghĩa “các công nghệ dựa trên máy tính và internet, bao gồm cả ứng dụng phần mềm chung (ví dụ: trình xử lý văn bản, phần mềm trình bày, gói email, trình duyệt web, tìm kiếm và tải xuống) và các ứng dụng phần mềm cộng với các trang web hữu ích cho việc dạy ngoại ngữ” [13;tr.2]. Theo quan điểm này, Vo [14] tiếp tục định nghĩa CNTT là các ứng dụng liên quan đến công nghệ được sử dụng trong bối cảnh dạy và học tiếng Anh như một ngoại ngữ, bao gồm thiết bị phần cứng và phần mềm.

Quan tâm mạnh mẽ đến ứng dụng và tích hợp CNTT trong đào tạo giáo viên đã được ghi nhận trên khắp thế giới, với một loạt các mô hình khác nhau được đề xuất bởi một số nhà nghiên cứu [7-9]; [14-16]. Trong bối cảnh châu Âu, mặc dù có cùng kết luận về vai trò của CNTT như một thành phần quan trọng trong các chương trình đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, Aşık và cộng sự [15] và Gudmundsdottir và cộng sự [7] đã chỉ ra các trọng tâm khác nhau trong các quy trình tích hợp như vậy. Trên thực tế, Aşık và cộng sự [15] dựa trên các cuộc phỏng vấn của họ với các giáo sinh từ Thổ Nhĩ Kỳ, Bồ Đào Nha và Ba Lan để làm nổi bật tầm quan trọng của việc lập mô hình và phản ánh trong các chương trình đào tạo giáo viên cơ bản được tích hợp CNTT. Mặt khác, Gudmundsdottir và cộng sự [7], từ một cuộc khảo sát quy mô lớn với hơn 1.000 giáo sinh ở Na Uy và Tây Ban Nha, đã nhấn mạnh tầm quan trọng ngày càng tăng của việc sử dụng CNTT trong các chương trình đào tạo giáo viên.

Điều thú vị là đôi khi quan điểm của giáo sinh và của giảng viên được cho là trái ngược nhau [8]. Sự khác biệt như vậy trong quan điểm của giáo viên và giảng viên có thể là do các chương trình đào tạo giáo viên không cung cấp môi trường học tập thích hợp để giảng viên trước khi tham gia giảng dạy thực sự có thể phát triển kiến thức công nghệ của họ. Đồng quan điểm này, nhiều nhà nghiên cứu đã chỉ ra hàng loạt yếu tố ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình ứng dụng CNTT trong chương trình đào tạo và bồi dưỡng giáo viên: khả năng tiếp cận tài nguyên CNTT hạn chế, thiếu sự hỗ trợ của thể chế chính sách, năng lực kỹ thuật số của đội ngũ giáo viên chưa cao, văn hóa và ngôn ngữ khác biệt, thiếu thời gian, v.v. [7], [12], [15], [17], [18], [19]. Kết luận của Vo [14] đã xác nhận những gì Peeraer và Van Petegem [20] tìm được trước đó trong nỗ lực tìm hiểu mối quan hệ giữa các chính sách liên quan tới CNTT trong đào tạo và bồi dưỡng giáo viên trong bối cảnh Việt Nam. Dựa trên phân tích của họ về các văn bản quy định về tầm nhìn đối với việc tích hợp CNTT ở một số cơ sở đào tạo giáo viên khác nhau ở Việt Nam, các nhà nghiên cứu này chỉ ra rằng việc thực hành các ứng dụng CNTT còn hạn chế [20]. Mặc dù việc đào tạo các kỹ năng CNTT cơ bản đã được lên kế hoạch nhưng vẫn thiếu các ý tưởng và chủ đề cụ thể [20]. Ngoài ra, kế hoạch của các cơ sở đào tạo giáo viên này được coi là không cân đối theo nghĩa họ ưu tiên nhiều cho phát triển cơ sở hạ tầng và bỏ qua việc phát triển chuyên môn cho đội ngũ giảng viên, đặc biệt là thay đổi và sửa đổi phương pháp sư phạm và chương trình giảng dạy. Do đó, các giảng viên phải chịu trách nhiệm phát triển chuyên môn cá nhân của họ ở các mức độ tham gia khác nhau và theo những cách khác nhau; ví dụ: tham gia các khóa học chuyên sâu [16], [21] hoặc tham gia vào cộng đồng thực hành trực tuyến [22].

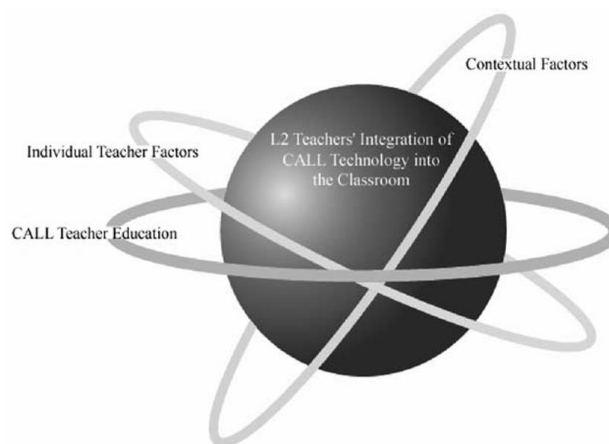
Trong bối cảnh chưa từng có của đại dịch Covid-19, việc tích hợp CNTT trong các chương trình đào tạo và bồi dưỡng giáo viên đã được thử nghiệm do hình thức học từ xa được áp dụng hàng loạt và đột ngột trong các cơ sở giáo dục. Vì điều này, Valverde-Berrocoso và cộng sự [12] lập luận về sự cần thiết của một hệ thống giáo dục linh hoạt nhằm thúc đẩy công bằng, bình đẳng, khả năng tiếp cận và sáng tạo hơn. Tính linh hoạt trong giáo dục với việc tích hợp CNTT “đòi hỏi phải xác định lại mô hình đào tạo giáo viên khuyến khích học tập mọi lúc, mọi nơi” [12; tr.1]. Kiến thức nội dung sư phạm công nghệ (TPACK) được xây dựng từ khái niệm của Shulman [23; 24] về kiến thức nội dung sư phạm như một khung lý thuyết để hiểu việc sử dụng kiến thức công nghệ của giáo viên tiếng Anh trong quá trình đào tạo và bồi dưỡng họ. Tri thức công nghệ nằm trong sự chồng lấn của tri thức nội dung và tri thức sư phạm để hình thành thêm bốn loại tri thức có quan hệ với nhau. Trong số đó, TPACK liên quan đến “kiến thức mà giáo viên yêu cầu để tích hợp công nghệ vào việc giảng dạy của họ trong bất kỳ lĩnh vực nội dung nào” [25:tr.125] được coi là cơ sở của việc giảng dạy tốt với sự tích hợp công nghệ hiệu quả [25-26] và tập trung vào cơ hội học tập trong chương trình đào tạo cũng như quá trình bồi dưỡng sau này [27]. Việc tiếp thu các lĩnh vực này của giáo viên tiếng Anh góp phần chuẩn bị và bồi dưỡng cho năng lực chuyên môn của họ.

Tóm lại, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra các phương pháp tích hợp CNTT trong đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, nhưng cần nghiên cứu thêm để hiểu rõ hơn về nhận thức của giáo viên tiếng Anh về việc chuẩn bị và bồi dưỡng kiến thức liên quan đến CNTT nhằm phát triển tối đa hiệu quả giảng dạy. Trong các tài liệu sẵn có, người ta biết rất ít về việc chuẩn bị và bồi dưỡng cho giáo viên tiếng Anh về các lĩnh vực kiến thức tích hợp CNTT trong các cơ sở giáo dục ở Việt Nam [8-9]; [17-19]. Để lấp đầy khoảng trống này, nghiên cứu tập trung trả các câu hỏi nghiên cứu sau:

1. Việc ứng dụng CNTT trong công tác bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên tiếng Anh ở Việt Nam được nhìn nhận như thế nào?

2. Những yếu tố nào tác động đến việc ứng dụng CNTT trong công tác bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên tiếng Anh ở Việt Nam?

## **2.2. Khung lý thuyết**



**Hình 1. Mô hình ứng dụng CNTT vào giảng dạy của giáo viên ngoại ngữ (theo [6])**

Nghiên cứu về CNTT phải phù hợp với nghiên cứu về đào tạo giáo viên ngôn ngữ và đặt trong một môi trường đang thay đổi để giải quyết việc tích hợp hiệu quả CNTT vào thực tiễn giảng dạy [4], [5], [6]. Công tác bồi dưỡng giáo viên ứng dụng CNTT tập trung vào những kiến thức và kỹ năng liên quan đến CNTT được dạy và cách chúng được dạy để chuẩn bị cho giáo viên nhằm tối đa hiệu quả giảng dạy của họ. Khung lý thuyết của Hong [6] trong Hình 1 nhấn

mạnh rằng việc giáo viên ngôn ngữ tích hợp CNTT vào thực hành lớp học của họ bị ảnh hưởng bởi ba yếu tố quỹ đạo: công tác đào tạo bồi dưỡng giáo viên ICT, các yếu tố cá nhân của giáo viên và các yếu tố bối cảnh. Quỹ đạo của việc đào tạo bồi dưỡng giáo viên ở trung tâm của lĩnh vực nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tích hợp công nghệ của giáo viên ngôn ngữ so với các yếu tố về niềm tin và môi trường cá nhân của giáo viên. Khoảng cách gần hơn hoặc xa hơn giữa các yếu tố quỹ đạo cho thấy rằng (1) công tác đào tạo bồi dưỡng giáo viên có khả năng tác động đến niềm tin cá nhân của giáo viên ngôn ngữ về kiến thức, kỹ năng, thái độ và nhận thức của họ đối với công nghệ; và (2) các yếu tố bối cảnh và đào tạo bồi dưỡng của giáo viên tương đối phụ thuộc lẫn nhau. Mô hình của Hong [6] đã được vận dụng để nâng cao năng lực CNTT của giáo viên giảng dạy ngoại ngữ [28] và khám phá thêm những lợi ích và rào cản mà giáo viên Iran gặp phải khi thực hành CNTT [29]. Nghiên cứu này cũng sử dụng mô hình của Hong [6] như một khung lý thuyết để cung cấp thông tin cho việc thu thập và phân tích dữ liệu nhằm tìm hiểu nhận thức của giáo viên tiếng Anh về việc tích hợp CNTT vào công tác bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho họ trong bối cảnh Việt Nam.

### 2.3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp kết hợp hội tụ đã được sử dụng để tiến hành nghiên cứu này vì một số lý do như sau. Trước hết, các nhà nghiên cứu đã khẳng định rằng sự kết hợp giữa các phương pháp định lượng và định tính sẽ “giúp hiểu rõ hơn về vấn đề và câu hỏi nghiên cứu hơn là chỉ sử dụng một trong hai phương pháp” [30: tr.535]. Hơn nữa, việc sử dụng nhiều nguồn dữ liệu sẽ nâng cao giá trị của một nghiên cứu thông qua quá trình kiểm tra chéo [31].

#### 2.3.1. Bối cảnh của nghiên cứu

Địa điểm nghiên cứu được chọn cho nghiên cứu này là một cơ sở đào tạo giáo viên hàng đầu tại một trong những thành phố lớn nhất ở miền Bắc Việt Nam. Cơ sở đào tạo này có truyền thống phát triển lâu đời với những thành tựu danh giá. Trường tự hào với sứ mệnh đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, tổ chức nghiên cứu ứng dụng trong giáo dục và các ngành khác nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo giáo viên chất lượng cao, nghiên cứu tiên tiến phục vụ sự nghiệp phát triển giáo dục, xã hội và kinh tế của Việt Nam.

#### 2.3.2. Đối tượng nghiên cứu

Bảng 1 dưới đây cung cấp thấy thông tin về các giáo viên tham gia nghiên cứu:

**Bảng 1. Thông tin về các giáo viên tiếng Anh tham gia nghiên cứu**

N = 60		
Giới tính	Nam	20%
	Nữ	80%
Độ tuổi	Dưới 30	
	30 – 45	100%
	Trên 45	
Nơi công tác	Thành thị	35%
	Nông thôn, vùng sâu, vùng xa	65%

Những người tham gia nghiên cứu là 60 giáo viên tiếng Anh và 3 giảng viên trong khoá bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm năm trong khuôn khổ Đề án Ngoại ngữ Quốc gia nhằm nâng cao năng lực cho giáo viên tiếng Anh tại Việt Nam. Những giáo viên tiếng Anh tham gia khoá bồi dưỡng đã có nhiều năm giảng dạy tiếng Anh tại bậc phổ thông và đều mong muốn nâng cao năng lực và hiệu quả giảng dạy của mình. Các giáo viên thuộc nhóm tuổi từ 30 tới 45, đa số là nữ (chiếm 80%), có sự đa dạng về hoàn cảnh gia đình và công tác. Một số giáo viên đến từ các thành phố, khu đô thị lớn, nơi có nhiều thuận lợi trong giảng dạy tiếng Anh, trong khi một số khác đến từ các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, nơi việc dạy và học tiếng Anh còn nhiều khó khăn, hạn chế. Ba giảng viên tiếng Anh tham gia nghiên cứu là những người có nhiều

kinh nghiệm trong việc đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên ở bậc phổ thông tại Việt Nam. Việc lựa chọn người tham gia trong nghiên cứu này được lựa chọn dựa trên phương pháp chọn mẫu thuận tiện (convenience sampling) vì đây là biện pháp phù hợp nhất mà nhà nghiên cứu có thể sử dụng để tiếp cận các giáo viên và giảng viên tham gia khoá bồi dưỡng.

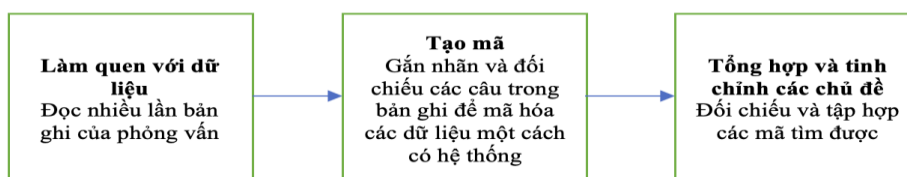
### 2.3.3. Công cụ thu thập dữ liệu

Khảo sát và phỏng vấn cá nhân được sử dụng làm công cụ thu thập dữ liệu chính cho nghiên cứu này. Nghiên cứu chọn thực hiện một cuộc khảo sát vì nó cho phép thu thập một lượng lớn dữ liệu đáng tin cậy và hợp lệ về các ý kiến thực tế, hành vi và thái độ trong một nhóm lớn [32]. Bảng khảo sát bao gồm các câu hỏi được phát triển và cấu trúc để phù hợp với các danh mục. Cuộc khảo sát được ẩn danh và bao gồm hai phần. Phần đầu tiên bao gồm các câu hỏi để thu thập dữ liệu nhân khẩu học của người tham gia như giới tính, đơn vị công tác, thâm niên công tác và cơ sở giáo dục đại học. Phần thứ hai là khơi gợi nhận thức của các giáo viên tiếng Anh về trải nghiệm các hoạt động sư phạm và các loại kiến thức liên quan đến CNTT trong chương trình bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của họ. Khảo sát được thiết kế dưới dạng thang đo Likert 4 điểm từ 1 đến 4, biểu thị các mức độ khác nhau của cường độ (Không có cơ hội = 1, Có nhiều cơ hội = 4).

Bên cạnh khảo sát nhận thức của các giáo viên tiếng Anh, chúng tôi cũng tiến hành phỏng vấn cá nhân bán cấu trúc (semi-structured interview) 3 giảng viên tham gia trực tiếp giảng dạy trong khoá bồi dưỡng nhằm đa dạng góc nhìn về việc ứng dụng CNTT cũng như thực tiễn quản lý liên quan đến chính sách thể chế bằng cách thu thập các phản hồi có ý nghĩa và phong phú vì những cuộc phỏng vấn này cho phép các nhà nghiên cứu tiếp cận “gần gũi hơn với quan điểm của một cá nhân” [33: tr.10), để nắm bắt thêm thông tin chuyên sâu, đo lường thái độ và sở thích, đồng thời khám phá nhận thức, quan điểm, cảm xúc và giá trị [34].

### 2.3.4. Phương pháp phân tích dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu đã phân tích dữ liệu định lượng bằng cách sử dụng SPSS Statistics 26.0 và sử dụng thống kê mô tả với các câu hỏi đóng. Phân tích Cronbach alpha chỉ ra rằng phần khảo sát trong bài báo này đạt độ tin cậy cao ( $\alpha=0,90$ ). Tác giả đã mã hóa các giảng viên tham gia phỏng vấn và dữ liệu phỏng vấn theo cách thủ công và với sự trợ giúp của phần mềm NVivo 12. Mỗi giảng viên được mã hóa bằng một biển số để bảo vệ danh tính. Phân tích theo chủ đề quy nạp đã được sử dụng để mã hóa dữ liệu nhằm xác định và báo cáo các mẫu (chủ đề). Phương pháp quy nạp này cho phép tác giả khám phá sự phong phú, chiều sâu và sự khác biệt của kinh nghiệm nghề nghiệp, đồng thời xác định các mẫu được tổng hợp và xuất hiện từ dữ liệu thông qua quan điểm và lời nói của người được phỏng vấn. Việc xác định các chủ đề được thực hiện bằng cách áp dụng một quy trình lặp đi lặp lại bao gồm các bước được đề xuất bởi [35]: làm quen với dữ liệu, tạo mã, tổng hợp và tinh chỉnh các chủ đề. Quá trình mã hóa này được lặp đi lặp lại cho đến nội dung và ý nghĩa của câu trả lời được chấp nhận, như được minh họa trong Hình 2.



Hình 2. Quy trình xác định chủ đề (coding process)

## 2.4. Kết quả nghiên cứu

Bằng cách sử dụng mô hình của Hong [6] và tập trung vào hai chủ đề nổi bật, nghiên cứu có thể khám phá nhận thức của các giáo viên và giảng viên tiếng Anh về việc ứng dụng CNTT

trong công tác bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên tiếng Anh ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu thu được cụ thể như sau.

#### **2.4.1. Có nhiều cơ hội học hỏi kiến thức liên quan đến CNTT**

Hầu hết các giáo viên tham gia đều cho thấy có rất nhiều cơ hội để học kiến thức liên quan đến CNTT trong chương trình đào tạo bồi dưỡng của họ ( $M = 3,05$ ). Các giáo viên tiếng Anh thừa nhận rằng chương trình bồi dưỡng cung cấp cho họ rất nhiều cơ hội để học kiến thức và kỹ năng của thế kỷ 21 với trọng tâm chính là năng lực công nghệ CNTT và phương pháp sư phạm CNTT ( $M = 3,33$ ). Bên cạnh đó, họ có nhiều cơ hội để tìm hiểu về cách tìm kiếm tài liệu giảng dạy tiềm năng và tải xuống tài nguyên từ các nguồn trực tuyến ( $M = 3,45$ ), sử dụng phần mềm xử lý văn bản để viết bằng tính, tuân theo các quy ước chuẩn ( $M = 3,42$ ), tạo bài học bằng văn bản, hình ảnh đã tải xuống, đồ họa ( $M = 3,28$ ) và sử dụng máy chiếu dữ liệu cho các bài học liên quan đến internet hoặc DVD ( $M = 3,27$ ).

Tuy vậy, các giáo viên tiếng Anh cho biết họ nhận được ít cơ hội hơn để tìm hiểu về cách thiết kế các mô-đun học tập kết hợp bằng cách sử dụng hệ thống quản lý học tập (ví dụ: Moodle) ( $M = 3,11$ ), sử dụng bất kỳ phần mềm Windows/Mac tiêu chuẩn nào, bao gồm cả trình phát phương tiện ( $M = 3,09$ ), điều phối công việc dự án với phương tiện kỹ thuật số (nghĩa là sử dụng máy ảnh, internet, mạng xã hội) ( $M = 3,05$ ), về việc sử dụng bất kỳ thiết bị kỹ thuật số nào có sẵn trong lớp học, điện thoại di động, máy tính bảng một cách có lợi cho việc học ngôn ngữ ( $M = 2,85$ ), tổ chức các tệp máy tính trong các thư mục được sắp xếp hợp lý ( $M = 2,81$ ), thiết lập và giám sát công việc trực tuyến cho người học ( $M = 2,64$ ), lựa chọn và sử dụng các bài tập trực tuyến phù hợp với nhu cầu cá nhân của họ ( $M = 2,57$ ). Hơn nữa, các giáo viên cũng phản ánh rằng họ có ít cơ hội tìm hiểu về cách khắc phục sự cố với thiết bị kỹ thuật số trong lớp học ( $M = 2,28$ ).

#### **2.4.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc tích hợp CNTT trong công tác bồi dưỡng giáo viên tiếng Anh**

Các giảng viên tiếng Anh nhận thấy rằng việc thực hành tích hợp CNTT trong chương trình đào tạo bồi dưỡng của họ bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố. Dựa trên mô hình của Hong [6], những yếu tố này bao gồm các trở ngại của từng giáo viên, điều kiện cơ sở hạ tầng, các trở ngại liên quan đến công tác đào tạo bồi dưỡng giáo viên cũng như các chính sách liên quan.

##### **a. Những trở ngại liên quan đến giảng viên**

Hầu hết các giảng viên đã chỉ ra một số vấn đề tồn tại của bản thân họ, điều này cản trở việc sử dụng CNTT hoặc làm cho việc sử dụng CNTT kém hiệu quả hơn trong thực tiễn giảng dạy của họ. Cụ thể hơn, các giảng viên đã nhận thức rõ ảnh hưởng của kỹ năng, kiến thức và sự tự tin của họ đối với việc sử dụng các ứng dụng CNTT trong các bài học cho giáo viên trong khóa bồi dưỡng của họ. Kết quả là, nếu các yếu tố đó là tiêu cực, việc áp dụng CNTT trong các chương trình đào tạo bồi dưỡng giáo viên sẽ bị ảnh hưởng nặng nề hoặc bị hạn chế. Ví dụ, khi một giảng viên không tự tin với các kỹ năng và kiến thức của họ về CNTT, họ sẽ thấy việc sử dụng các công nghệ CNTT tốn nhiều thời gian; và do đó, họ sẽ chọn không sử dụng hoặc chỉ sử dụng ở mức độ hạn chế.

Một trở ngại khác đối với việc sử dụng các công nghệ CNTT trong thực tiễn giảng dạy của các giảng viên là cái được gọi là nỗi sợ thay đổi. Một số giảng viên nhận thấy rằng các đồng nghiệp của họ không muốn rời bỏ phong cách giảng dạy quen thuộc của họ để thử các tính năng mới, chẳng hạn như ứng dụng CNTT, vì sợ rằng những thay đổi đó có thể quá khó hoặc có thể không phù hợp với hoàn cảnh của họ. Câu trả lời phỏng vấn của giảng viên GV1 cho thấy những rào cản mà các giảng viên gặp phải khi triển khai các hoạt động liên quan đến CNTT trong quá trình lập kế hoạch và phân phối bài học của họ.

*Rào cản lớn nhất ở đây là tư tưởng của giáo viên, nhiều giáo viên tuổi đã khá cao nên ngại làm [dùng CNTT]. Họ cứ nghĩ rằng sẽ rất mất thời gian, họ thậm chí không thử dù chỉ một lần, để thấy rằng nó tốt, ổn và không có vấn đề gì. (GV1)*

### **b. Điều kiện cơ sở vật chất**

Cả ba giảng viên được phỏng vấn đều chia sẻ quan điểm rằng một trong những rào cản lớn nhất đối với việc sử dụng CNTT trong bối cảnh của họ là cơ sở hạ tầng hạn chế. Cụ thể hơn, họ lo ngại nhiều nhất về vấn đề với cơ sở hạ tầng liên quan đến tính khả dụng và chất lượng của kết nối Internet. Rõ ràng là những giảng viên này cảm thấy khó khăn, đôi khi không thể sử dụng tốt các ứng dụng CNTT mà họ muốn sử dụng trong bài học của mình nếu kết nối Internet không ổn định, không đáng tin cậy hoặc thậm chí không khả dụng. Việc sử dụng kết nối internet di động từ điện thoại di động của họ chỉ là một giải pháp tạm thời vì nó tốn kém và đòi hỏi kỹ năng kỹ thuật của các giảng viên. Một giảng viên lưu ý rằng, “*A... vâng... tôi nghĩ có một số khó khăn. Đầu tiên, đấy là, có kết nối Wi-Fi trong một số tòa nhà, nhưng nó thực sự không ổn định, lúc được lúc không*” (GV2). Phản hồi của giảng viên GV2 nêu bật các vấn đề liên quan đến chất lượng cơ sở hạ tầng kém tại cơ sở đào tạo, bồi dưỡng.

Ngoài ra, chất lượng kém của thiết bị CNTT trong lớp học cũng là một vấn đề khác đối với các giảng viên. 2/3 giảng viên nhấn mạnh rằng các thiết bị sẵn có trong lớp học của họ, chẳng hạn như máy tính, máy chiếu, bảng thông minh, hệ thống âm thanh không đáng tin cậy do thường xuyên xảy ra lỗi khi sử dụng các thiết bị đó. Một trong những giải pháp tối ưu nhất là họ phải tự chuẩn bị máy tính xách tay hoặc kết thúc bằng cách dạy học truyền thống thay vì kết hợp các bài học với các ứng dụng CNTT.

Một vấn đề khác mà các giảng viên đề cập đến là sự hỗ trợ hạn chế và chậm chạp mà họ nhận được trong các trường hợp lỗi kỹ thuật với thiết bị CNTT. Khi một thiết bị trong lớp học không hoạt động bình thường; chẳng hạn, máy chiếu bị hỏng, không thể trình chiếu hình ảnh, không kết nối được với máy tính/laptop, giảng viên phải gọi kỹ thuật viên đến hỗ trợ. Rõ ràng là giảng viên trong tình huống này mong đợi một kỹ thuật viên nhanh chóng và hữu ích để giảm thiểu thời gian ngừng hoạt động của các bài học. Tuy nhiên, các giảng viên trong nghiên cứu này phản ánh rằng sự hỗ trợ kỹ thuật mà họ nhận được trong những tình huống như vậy thường chậm và hạn chế, điều này đã góp phần gây ra những trở ngại ngăn cản việc họ sử dụng CNTT trong các chương trình đào tạo bồi dưỡng giáo viên tiếng Anh (GV2, GV3).

### **c. Những trở ngại liên quan đến giáo viên**

Các giảng viên tin rằng thái độ, sự quan tâm và sự sẵn sàng của giáo viên cũng là một phần của những rào cản hiện có đối với việc sử dụng ICT trong quá trình đào tạo bồi dưỡng của họ. Một giảng viên cho biết, “*Nói chung khi tôi sử dụng Moodle với lớp học của mình, một số học viên khá lười biếng. Thực ra nhiều khi mình đưa tài liệu lên mạng nhưng các em không đăng nhập lấy nên phải kiểm tra xem các em có truy cập thường xuyên không, có em 2 ngày 1 lần, có em lâu hơn. ... Vì vậy, nó [ứng dụng CNTT] đôi khi phụ thuộc vào các học viên*” (GV2). Đoạn trích phỏng vấn cho thấy các vấn đề liên quan đến thái độ của từng giáo viên. Việc học viên không nhiệt tình tham gia vào bài học có yếu tố ICT đã khiến việc sử dụng các công nghệ CNTT của các giảng viên trong lớp học của họ bị gián đoạn.

### **d. Chính sách tích hợp CNTT trong công tác bồi dưỡng giáo viên tiếng Anh**

Các giảng viên được phỏng vấn khẳng định rằng không có yêu cầu chính thức nào trong cơ sở đào tạo của họ về việc phải sử dụng CNTT trong các chương trình đào tạo bồi dưỡng, hoặc ít nhất, họ chưa bao giờ biết về bất kỳ yêu cầu nào như vậy. Theo các giảng viên, họ chỉ được khuyến khích sử dụng CNTT nếu có thể để nâng cao chất lượng dạy và học. Do đó, các giảng viên giải thích rằng việc họ sử dụng CNTT trong công tác đào tạo bồi dưỡng của họ xuất phát từ sở thích cá nhân của họ đối với công nghệ CNTT trong giáo dục. Họ tin rằng đây là một cách hiệu quả để giúp cải thiện hiệu suất và năng lực giảng dạy của họ. Ngoài ra, một giảng viên đã bày tỏ mong muốn về một tài liệu hướng dẫn hoặc chính sách chính thức của tổ chức đào tạo với trọng tâm chính là triển khai và sử dụng các ứng dụng CNTT trong chương trình đào tạo bồi dưỡng giáo viên tiếng Anh của họ.

### 3. Kết luận

Nghiên cứu cho thấy rằng các giáo viên tiếng Anh nhận thấy có nhiều cơ hội để học kiến thức liên quan đến CNTT trong chương trình bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm của họ và một số yếu tố ảnh hưởng đến việc tích hợp CNTT trong quá trình này đã được xác định. Các yếu tố này liên quan đến các trở ngại liên quan đến bản thân giáo viên tiếng Anh, điều kiện cơ sở hạ tầng, bản thân các giảng viên tham gia giảng dạy, và các chính sách liên quan đến tích hợp công nghệ CNTT. Theo Hong [6], công tác đào tạo bồi dưỡng giáo viên, các yếu tố cá nhân giáo viên và các yếu tố ngữ cảnh có tác động đáng kể đến việc tích hợp CNTT trong công tác bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên ngoại ngữ nói chung, và tiếng Anh nói riêng. Chúng tôi lập luận rằng việc chuẩn bị kiến thức liên quan đến CNTT cho giáo viên cần tập trung vào cơ hội học hỏi của họ và các chính sách về việc triển khai phương pháp sư phạm công nghệ trong các chương trình đào tạo bồi dưỡng giáo viên. Nghiên cứu cho thấy rằng các thành phần này phụ thuộc lẫn nhau với mối quan hệ đan xen giữa mỗi thành phần.

Nghiên cứu, mặc dù có đóng góp nhất định, vẫn tồn tại một số hạn chế. Ví dụ, số lượng người tham gia trong nghiên cứu hiện tại còn ít và địa điểm nghiên cứu là một cơ sở giáo dục đại học ở miền Bắc Việt Nam được chọn để thực hiện công tác bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Do đó, những phát hiện của nghiên cứu này không nhằm mục đích khái quát hóa quan điểm của tất cả các giáo viên tiếng Anh bậc phổ thông và các giảng viên tiếng Anh bậc đại học về việc ứng dụng CNTT trong đào tạo bồi dưỡng giáo viên tiếng Anh tại Việt Nam và quốc tế. Các nghiên cứu trong tương lai có thể điều tra kỹ hơn các đánh giá của giảng viên để hiểu rõ hơn về thực tiễn của họ. Cuối cùng, chương trình đào tạo bồi dưỡng là một yếu tố quan trọng tác động đến việc bồi dưỡng nâng cao kiến thức năng lực cho giáo viên tiếng Anh ở phổ thông. Tuy nhiên, nghiên cứu chưa tìm hiểu kỹ tác động chương trình đào tạo bồi dưỡng của các cơ sở giáo dục đối với thực tiễn tích hợp CNTT, và đây cũng là gợi mở cho các nghiên cứu trong tương lai.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Gillespie, J., 2020. CALL research: Where are we now? *ReCALL*, 32(2), 127-144. <https://doi.org/10.1017/S0958344020000051>
- [2] Hubbard, P., 2019. Five keys from the past to the future of CALL. *International Journal of Computer-Assisted Language Learning and Teaching (IJCALLT)*, 9(3), 1-13. <https://doi.org/10.4018/IJCALLT.2019070101>
- [3] Meihami, H., 2021. A narrative inquiry into Iranian EFL teacher educators' voice about challenges of CALL teacher education. *Teaching English with Technology*, 21(2), 92-111.
- [4] Son, J. B., 2018. *Teacher development in technology-enhanced language teaching*. Palgrave Macmillan.
- [5] Hubbard, P., 2008. CALL and the future of language teacher education. *CALICO journal*, 25(2), 175.
- [6] Hong, K. H., 2010. CALL teacher education as an impetus for L2 teachers in integrating technology. *Recall: the Journal of EUROCALL*, 22(1), 53-69. <https://doi.org/10.1017/S095834400999019X>
- [7] Gudmundsdottir, G. B., Gassó, H. H., Rubio, J. C. C., & Hatlevik, O. E., 2020. Student teachers' responsible use of ICT: Examining two samples in Spain and Norway. *Computers & Education*, 152, 103877. <https://doi.org/10.1016/j.compedu.2020.103877>
- [8] Masoumi, D., 2021. Situating ICT in early childhood teacher education. *Education and Information Technologies*, 26(3), 3009-3026. <https://doi.org/10.1007/s10639-020-10399-7>
- [9] McGarr, O., & McDonagh, A., 2021. Exploring the digital competence of pre-service teachers on entry onto an initial teacher education program in Ireland. *Irish Educational Studies*, 40(1), 115-128. <https://doi.org/10.1080/03323315.2020.1800501>



- [10] Rana, K., & Rana, K., 2020. ICT integration in teaching and learning activities in higher education: A case study of Nepal's teacher education. *Malaysian Online Journal of Educational Technology*, 8(1), 36-47.
- [11] McGarr, O., & Ó Gallchóir, C., 2020. Exploring pre-service teachers' justifications for one-to-one technology use in schools: Implications for initial teacher education. *Technology, Pedagogy and Education*, 29(4), 477-490. <https://doi.org/10.1080/1475939X.2020.1784261>
- [12] Valverde-Berrocso, J., Fernández-Sánchez, M. R., Revuelta Dominguez, F. I., & Sosa-Díaz, M. J., 2021. The educational integration of digital technologies preCovid-19: Lessons for teacher education. *PLOS ONE*, 16(8), e0256283. <https://doi.org/10.1371/journal.pone.0256283>
- [13] Dang, X. T., 2013. ICT in foreign language teaching in an innovative university in Vietnam: Current practices and factors affecting ICT use [Unpublished doctoral thesis, La Trobe University].
- [14] Vo, P. T. N., 2019. An investigation of ICT policy implementation in an EFL teacher education program in Vietnam [Unpublished Ph.D. thesis, Edith Cowan University].
- [15] Aşık, A., Köse, S., Yangın Ekşi, G., Seferoğlu, G., Pereira, R., & Ekiert, M., 2020. ICT integration in English language teacher education: Insights from Turkey, Portugal and Poland. *Computer Assisted Language Learning*, 33(7), 708-731. <https://doi.org/10.1080/09588221.2019.1588744>
- [16] Tran, T., Phan, H., Le, H., & Nguyen, H., 2020. ICT integration in developing competence for pre-service mathematics teachers: A case study from six universities in Vietnam. *International Journal of Emerging Technologies in Learning (iJET)*, 15(14), 19-34.
- [17] Vo, T. K. A., Pang, V., & Wah, L. K., 2020. Evaluating Vietnam's pre-service English teacher education program for technology integration in education. *CALL-EJ*, 21(3), 8-22.
- [18] Peeraer, J., & Van Petegem, P., 2012. Information and communication technology in teacher education in Vietnam: From policy to practice. *Educational Research for Policy and Practice*, 11(2), 89-103. <https://doi.org/10.1007/s10671-011-9106-9>
- [19] Peeraer, J., & Van Petegem, P., 2011. ICT in teacher education in an emerging developing country: Vietnam's baseline situation at the start of 'The year of ICT'. *Computers & Education*, 56(4), 974-982. <https://doi.org/10.1016/j.compedu.2010.11.015>
- [20] Nguyen, T. H. N., 2019. Teachers' implementation of computer-assisted language learning in the context of educational change in Vietnam. In *Building teacher capacity in English language teaching in Vietnam* (pp. 133-149). Routledge. <https://doi.org/10.4324/9780429457371>
- [21] Tafazoli, D., 2021b. CALL teachers' professional development amid the COVID-19 Outbreak: A qualitative study. *CALL-EJ*, 22(2), 4-13.
- [22] Mai, M. T., Nguyen, T. L., Tran, L. N. T., & Le, V. T., 2020. EFL teachers' Facebook groups as online communities of practice: Toward configurations for engagement and sustainability. *CALL-EJ*, 21(3), 140-158.
- [23] Shulman, L. S., 1986. Those who understand: Knowledge growth in teaching. *Educational researcher*, 15(2), 4-14. <https://doi.org/10.2307/1175860>
- [24] Shulman, L. S., 1987. Knowledge and teaching: Foundations of the new reform. *Harvard Educational Review*, 57(1), 1-23. <https://doi.org/10.17763/haer.57.1.j463w79r56455411>
- [25] Schmidt, D. A., Baran, E., Thompson, A. D., Mishra, P., Koehler, M. J., & Shin, T. S., 2009. Technological pedagogical content knowledge (TPACK): The development and validation of an assessment instrument for preservice teachers. *Journal of Research on Technology in Education*, 42(2), 123-149. <https://doi.org/10.1080/15391523.2009.10782544>

- [26] Mishra, P., & Koehler, M. J., 2006. Technological pedagogical content knowledge: A framework for teacher knowledge. *Teachers college record*, 108(6), 1017-1054.
- [27] Schmidt, W. H., Cogan, L., & Houang, R., 2011. The role of opportunity to learn in teacher preparation: An international context. *Journal of Teacher Education*, 62(2), 138-153. <https://doi.org/10.1177/0022487110391987>
- [28] Son, J.-B., Robb, T., & Charismiadji, I., 2011. Computer literacy and competency: A survey of Indonesian teachers of English as a foreign language. *Computer-Assisted Language Learning Electronic Journal (CALL-EJ)*, 12(1), 26-42.
- [29] Tafazoli, D., 2021a. Affordances of computer-assisted language learning in Iranian higher education: A qualitative inquiry. *Lenguas Modernas*.
- [30] Creswell, J. W., & Guetterman, T. C., 2019. Educational research: Planning, conducting, and evaluating quantitative and qualitative research (6th ed.). Pearson.
- [31] Mertens, D. M., 2014. Research and Evaluation in Education and Psychology: Integrating Diversity With Quantitative, Qualitative, and Mixed Methods. SAGE Publications.
- [32] Dörnyei, Z., & Taguchi, T., 2010. Questionnaires in second language research: Construction, administration, and processing. Routledge.
- [33] Kayrooz, C., & Trevitt, C., 2005. Research in organizations and communities: Tales from the real world. Allen & Unwin.
- [34] Johnson, R. B., & Christensen, L. B., 2020. *Educational research: Quantitative, qualitative, and mixed approaches* (7th ed.). Sage Publications.
- [35] Braun, V., & Clarke, V., 2006. Using thematic analysis in psychology. *Qualitative Research in Psychology*, 3(2), 77-101. <https://doi.org/10.1191/1478088706qp063oa>

## ABSTRACT

### **Information and Communication Technology (ICT) in pedagogical professional training for English teachers in Vietnam**

Thai Thi Cam Trang

*Faculty of English, Hanoi National University of Education*

The application of Information and Communication Technology (ICT) in teaching plays an important part in the training of English teachers in Vietnam to meet the educational reform requirements of the country. This study uses a convergent mixed-methods research design to find out the perceptions of high school English teachers and university English lecturers on issues related to technology and technology integration in the training of pedagogical skills for English teachers in the education system. The data were collected from a survey with the participation of 60 English teachers undertaking the Pedagogical Professional training course and face-to-face interviews with three lecturers who taught in this training course. Research results show that English teachers have received significant opportunities to learn about ICT-related knowledge in their training courses. The findings of the study also show several important factors affecting the integration of Information and Communication Technology (ICT) into the teacher training process, especially factors related to teachers and lecturers, the provision of resources, and policies related to ICT.

**Keywords:** pedagogical professional training, information and communication technology, English teachers.